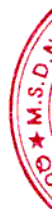


MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	12 – 32
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	33



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (tên viết tắt là: BEWACO) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300107725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006; và đã điều chỉnh lần 04 thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1300107725 ngày 01 tháng 12 năm 2015 (chính thức chuyển sang công ty cổ phần), do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ: 280.000.000.000 đồng (hai trăm tám mươi tỷ đồng Việt Nam).

2. Trụ sở hoạt động• **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Điện thoại : +84 (075) 3 825 727
- Fax : +84 (075) 3 827 781
- Mã số thuế : 13 0 0 1 0 7 7 2 5

• **Thông tin về chi nhánh**

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cày.	Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công cơ khí các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng (không gia công cơ khí trong địa bàn nội ô Tp. Bến Tre);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học, chi tiết: Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Thi công xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế-dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

4. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và Ban điều hành

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Chí Vũ	Chủ tịch	01/12/2015	-
Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	Thành viên	01/12/2015	-
Bà Hồ Thị Bích Hà	Thành viên	01/12/2015	-
Ông Phan Đình Tân	Thành viên	01/12/2015	-
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên	01/12/2015	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Phong	Trưởng ban	01/12/2015	-
Bà Trần Thị Hồng Phương	Thành viên	01/12/2015	-
Ông Nguyễn Đình Huân	Thành viên	01/12/2015	-

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	Tổng Giám đốc	01/12/2015	-
Bà Hồ Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc	01/12/2015	-
Ông Trần Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/12/2015	-
Bà Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	01/12/2015	-

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Chí Vũ (Chủ tịch hội đồng quản trị).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 33.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



PHẠM CHÍ VŨ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bến Tre, ngày 08 tháng 08 năm 2016.

Số: 2423/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 08 năm 2016, từ trang 08 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2130 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKH số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- *Lưu VIETVALUES.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01 tháng 12 năm 2015
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		46.193.849.840	145.086.709.937
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	21.137.642.822	109.793.009.280
111	1. Tiền		6.266.111.363	103.087.925.853
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.871.531.459	6.705.083.427
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.637.279.654	16.141.483.364
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.02	12.470.099.898	9.102.387.913
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		118.668.000	6.424.207.284
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.03	557.301.263	123.677.674
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.04	491.210.493	491.210.493
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	7.003.162.467	7.934.258.039
141	1. Hàng tồn kho		7.003.162.467	7.934.258.039
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.415.764.897	11.217.959.254
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.344.818.737	11.217.959.254
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		70.946.160	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		485.015.559.038	437.660.354.869
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		366.174.634.819	310.887.617.169
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	366.173.579.264	310.849.617.169
222	- Nguyên giá		585.839.797.423	511.314.536.170
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(219.666.218.159)	(200.464.919.001)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.08	1.055.555	38.000.000
228	- Nguyên giá		190.000.000	190.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.944.445)	(152.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		113.149.908.068	119.441.805.991
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.09	113.149.908.068	119.441.805.991
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.691.016.151	7.330.931.709
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.06	5.691.016.151	7.330.931.709
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		531.209.408.878	582.747.064.806

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01 tháng 12 năm 2015
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		242.851.725.435	302.747.064.806
310	I. Nợ ngắn hạn		67.047.181.678	171.553.029.342
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	5.846.846.557	14.829.407.529
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		166.240.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	1.358.019.617	722.649.923
314	4. Phải trả người lao động	V.12	3.139.593.609	6.471.596.378
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.181.212	1.561.641.313
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	36.989.893.918	126.108.355.388
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14a	18.345.742.577	19.741.972.313
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	1.198.664.188	2.117.406.498
330	II. Nợ dài hạn		175.804.543.757	131.194.035.464
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14b	175.804.543.757	131.194.035.464
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		288.357.683.443	280.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	288.357.683.443	280.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.000.000.000	280.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.000.000.000	280.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.416.280.575	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.941.402.868	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.941.402.868	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		531.209.408.878	582.747.064.806

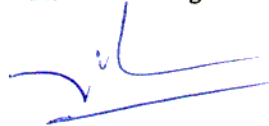
Bến Tre, ngày 08 tháng 08 năm 2016.

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG

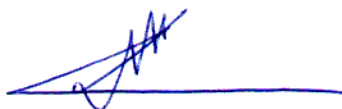
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

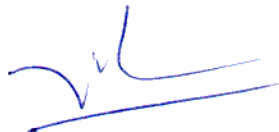
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/12/2015 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	68.276.814.395	51.628.119.563
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		3.219.267	4.701.166
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.273.595.128	51.623.418.397
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	23.561.377.970	14.839.674.120
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.712.217.158	36.783.744.277
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	380.318.229	283.301.554
22	7. Chi phí tài chính		3.424.665.563	3.011.710.741
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.424.665.563	3.011.710.741
24	8. Chi phí bán hàng	VI.4	23.321.192.947	14.066.662.217
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	6.563.930.400	3.595.349.510
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.782.746.477	16.393.323.363
31	11. Thu nhập khác		50.570.721	9.090.910
32	12. Chi phí khác		75	10.407.965
40	13. Lợi nhuận khác		50.570.646	(1.317.055)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.833.317.123	16.392.006.308
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	2.391.446.630	3.606.241.388
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.441.870.493	12.785.764.920
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	298	-

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIÊN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG

Bến Tre, ngày 08 tháng 08 năm 2016.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/12/2015 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		71.293.413.641	55.713.128.176
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(26.251.623.426)	(16.085.771.736)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(17.771.521.809)	(13.818.087.352)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(5.356.691.199)	(3.011.710.741)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.567.766.523)	(2.703.925.057)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.429.353.068	2.399.831.451
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(97.701.404.051)	(8.303.352.377)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(64.926.240.299)	14.190.112.364
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(67.328.552.213)	(34.702.560.972)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		385.147.497	348.609.088
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(66.943.404.716)	(34.353.951.884)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	9.852.488.995
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		52.994.465.220	17.127.325.592
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(9.780.186.663)	(8.115.892.750)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		43.214.278.557	18.863.921.837
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(88.655.366.458)	(1.299.917.683)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		109.793.009.280	16.864.749.399
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	21.137.642.822	15.564.831.716

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công cơ khí các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng (không gia công cơ khí trong địa bàn nội ô Tp. Bến Tre);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học, chi tiết: Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Thi công xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế-dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 249 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 223 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31/12/2016.

Các năm tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 06 tháng 07 năm 2015 của Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 15

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được tạm trích lập các quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2016.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tháng 12 năm 2015 là 22%, từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2016 là 20%.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước Sơn Đông – Thành Triệu (miễn thuế TNDN 3 năm kể từ năm 2009 và giảm 50% cho 5 năm tiếp theo, thời gian giảm kể từ năm 2012 đến năm 2016).

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/12/2015
Tiền mặt	3.647.784	4.182.791
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.262.463.579	103.083.743.062
Các khoản tương đương tiền	14.871.531.459	6.705.083.427
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>14.871.531.459</u>	<u>6.705.083.427</u>
Cộng	<u>21.137.642.822</u>	<u>109.793.009.280</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/12/2015
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	12.470.099.898	9.102.387.913
- Phải thu tiền nước của các hộ dân	10.619.208.992	8.901.140.838
- Sở Tài chính (Vốn phí bảo vệ môi trường)	1.216.533.072	-
- Các đối tượng khác	<u>634.357.834</u>	<u>201.247.075</u>
Cộng	<u>12.470.099.898</u>	<u>9.102.387.913</u>

3. Phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ, ký cược	65.000.000	-	88.070.629	-
- Tạm ứng cho nhân viên	156.726.616	-	11.200.000	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	24.407.045	-
- Tiền lương đã chi	335.574.647	-	-	-
Cộng	<u>557.301.263</u>	-	<u>123.677.674</u>	-

4. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là khoản chênh lệch nợ phải thu tiền nước giữa sổ kế toán với nợ phải thu tiền nước thực tế chưa rõ nguyên nhân.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	6.890.635.390	-	6.877.002.928	-
- Công cụ, dụng cụ	17.789.627	-	16.219.409	-
- Chi phí SXKD dở dang	94.737.450	-	1.041.035.702	-
Cộng	7.003.162.467	-	7.934.258.039	-

(*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lực kế,...)

6. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí phân bổ của các công cụ, dụng cụ, thiết bị sản xuất được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/12/2015	118.492.418.657	23.263.860.632	368.902.762.335	655.494.546	511.314.536.170
Mua trong kỳ	-	3.928.258.626	-	-	3.928.258.626
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	70.610.292.627	-	70.610.292.627
Giảm khác	13.290.000	-	-	-	13.290.000
Tại ngày 30/06/2016	118.479.128.657	27.192.119.258	439.513.054.962	655.494.546	585.839.797.423
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Tại ngày 01/12/2015	42.167.227.031	10.962.943.827	146.888.085.411	446.662.732	200.464.919.001
Khấu hao trong kỳ	3.495.508.998	1.206.332.539	14.487.540.672	21.219.949	19.210.602.158
Giảm khác	9.303.000	-	-	-	9.303.000
Tại ngày 30/06/2016	45.653.433.029	12.169.276.366	161.375.626.083	467.882.681	219.666.218.159
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/12/2015	76.325.191.626	12.300.916.805	222.014.676.924	208.831.814	310.849.617.169
Tại ngày 30/06/2016	72.825.695.628	15.022.842.892	278.137.428.879	187.611.865	366.173.579.264

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 94.590.109.633 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.14).

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/12/2015	190.000.000	190.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 30/06/2016	190.000.000	190.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
Giá trị hao mòn		
Tại ngày 01/12/2015	152.000.000	152.000.000
Khấu hao trong kỳ	36.944.445	36.944.445
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 30/06/2016	188.944.445	188.944.445
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/12/2015	38.000.000	38.000.000
Tại ngày 30/06/2016	1.055.555	1.055.555

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/12/2015	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Tại ngày 30/06/2016
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	119.441.805.991	68.742.898.648	(74.544.308.338)	(490.488.233)	113.149.908.068
- Dự án hệ thống phân phối nước sạch huyện Mô Cày Nam, Mô Cày Bắc	15.003.419.496	1.136.079.327	-	(148.400)	16.139.350.423
- Dự án nhà máy nước An Hiệp	104.266.799.280	66.477.164.628	(74.406.613.873)	-	96.337.350.035
- Các công trình khác	171.587.215	1.129.654.693	(137.694.465)	(490.339.833)	673.207.610
Cộng	119.441.805.991	68.742.898.648	(74.544.308.338)	(490.488.233)	113.149.908.068

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/12/2015
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	5.846.846.557	14.829.407.529
- Công ty CP Nước ngầm II	2.243.016.943	6.535.220.368
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	2.089.148.921	3.781.605.617
- khác	1.514.680.693	4.512.581.544
Cộng	5.846.846.557	14.829.407.529

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/12/2015		Số phát sinh trong kỳ		Tại ngày 30/06/2016	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	175.477.387	-	138.733.691	(314.211.078)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.283.535	-	2.391.446.630	(1.567.766.523)	1.004.963.642	-
- Thuế thu nhập cá nhân	49.326.973	-	8.011.973	(49.538.946)	7.800.000	-
- Thuế tài nguyên	14.098.050	-	226.479.860	(311.524.070)	-	70.946.160
- Thuế môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
- Phí bảo vệ môi trường	302.463.978	-	2.397.939.332	(2.355.147.335)	345.255.975	-
Cộng	722.649.923	-	5.169.611.486	(4.605.187.952)	1.358.019.617	70.946.160

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/12 đến 30/12/2015	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.239.160.315	10.594.156.808	11.833.317.123
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.239.160.315	10.594.156.808	11.833.317.123
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>22%</i>	<i>20%</i>	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	272.615.269	2.118.831.361	2.391.446.630

12. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên.

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/12/2015
- Viên chức quản lý, kiểm soát viên	205.800.000	234.230.533
- Cán bộ công nhân viên	2.933.793.609	5.018.010.784
- Người lao động dôi dư do cổ phần hóa	-	1.219.355.061
Cộng	3.139.593.609	6.471.596.378

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/12/2015
Phải trả các bên liên quan	36.144.241.792	125.456.601.290
Phải trả về cổ phần hóa (tiền phải trả về việc bán cổ phần cho các cổ đông)	36.144.241.792	125.456.601.290
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	845.652.126	651.754.098
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	46.224	30.476.380
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.000.000	44.113.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	804.605.902	577.164.718
Cộng	36.989.893.918	126.108.355.388

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn****14a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.345.742.577	18.345.742.577	19.741.972.313	19.741.972.313
Vay dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre	11.417.000.000	11.417.000.000	10.958.111.513	10.958.111.513
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bến Tre	4.337.415.191	4.337.415.191	4.769.180.800	4.769.180.800
- Ngân hàng TMCP Đông Á – CN Bến Tre	1.931.327.386	1.931.327.386	3.684.680.000	3.684.680.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre	660.000.000	660.000.000	330.000.000	330.000.000
Cộng	18.345.742.577	18.345.742.577	19.741.972.313	19.741.972.313

14b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	175.804.543.757	175.804.543.757	131.194.035.464	131.194.035.464
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	163.960.000.000	163.960.000.000	115.287.534.780	115.287.534.780
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽²⁾	9.643.778.622	9.643.778.622	12.200.578.163	12.200.578.163
- Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre ⁽³⁾	-	-	1.010.157.386	1.010.157.386
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽⁴⁾	2.200.765.135	2.200.765.135	2.695.765.135	2.695.765.135
Cộng	175.804.543.757	175.804.543.757	131.194.035.464	131.194.035.464

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008 :

- Hạn mức : 64.836.778.484 đồng
- Thời hạn vay : 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ)
- Lãi suất : 5%/năm
- Tài sản đảm bảo : Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010 gồm tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2016 là 43.217.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 4.322.000.000 đồng.

b) Hợp đồng tín dụng số 02/2010/HĐTDĐT-NHPT-PC ngày 26/08/2010 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng tín dụng số 02A/2010/HĐTDĐT-NHPT-PC ngày 26/10/2010 02B/2010/HĐTDĐT-NHPT-BTR ngày 12/09/2011 và 02C/2010/HĐTDĐT-NHPT-BTR ngày 27/10/2011

- Hạn mức : 29.400.000.000 đồng
- Thời hạn vay : 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên.
- Lãi suất : 9,6%/năm (lãi quá hạn 14,4%/năm).
- Mục đích vay : Mở rộng và nâng cấp công suất Nhà máy nước Sơn Đông, Tp. Bến Tre từ 16.900 m³/ngày lên 31.900m³/ngày.
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc theo Hợp đồng thế chấp số 02A/2010/HĐTCTS-NHPT-PC ngày 26/10/2010. Tổng giá trị tài sản thế chấp ước tính theo định giá của Ngân hàng khoảng 47.798.463.538 đồng.

c) Khoản vay bằng vốn ODA do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ theo hợp đồng số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 23/04/2013, hợp đồng sửa đổi số 01A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 19/06/2013, phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐODA-NHPTVN ngày 18/04/2014, hợp đồng sửa đổi số 02A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 02/07/2014 :

- Hạn mức : 177.360.000.000 đồng
- Thời hạn vay : 15 năm (ân hạn 2,5 năm từ ngày giải ngân lần đầu)
- Lãi suất : 5%/năm (trong hạn), 7,5%/năm (quá hạn).
- Mục đích vay : Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước An Hiệp huyện Châu Thành giai đoạn 1, công suất 15.000 m³/ngày.
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành trong tương lai.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2016 là 132.160.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 7.095.000.000 đồng.

d) Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 03/2015/HĐTDĐT-NHPT ngày 07/09/2015

- Hạn mức : 34.248.000.000 đồng
- Thời hạn trả nợ vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên.
- Lãi suất : 8,55%/năm tại thời điểm vay, lãi suất của các khoản vay sau theo từng lần phát sinh.
- Mục đích vay : đầu tư các hạng mục xây dựng thuộc Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Nam và huyện Mỏ Cày Bắc.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng tín dụng số 14.65.008/2014-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 03/07/2014:

- Hạn mức: 2.500.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Cài tạo tháp oxy và cụm bể thép thành bể lắng Nhà máy nước Hữu Định.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay
- Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 1.330.000.000 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 380.000.000 đồng.

b) Hợp đồng tín dụng số 13.33.001/HĐTĐ ngày 07/01/201:

- Hạn mức: 23.655.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 96 tháng (kể từ ngày 7/01/2013 đến ngày 07/01/2021).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Đầu tư hệ thống cấp nước Khu công nghiệp và khu dân cư Giao Long, huyện Châu Thành, Bến Tre.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay
- Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 7.230.115.911 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 1.527.422.360 đồng.

c) Hợp đồng tín dụng số 13.33.002/HĐTĐ ngày 17/01/2013:

- Hạn mức: 550.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 96 tháng (kể từ ngày 7/01/2013 đến ngày 07/01/2021).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Đầu tư trạm cấp nước huyện Chợ Lách, Bến Tre.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay
- Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 192.500.000 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 110.000.000 đồng.

e) Hợp đồng tín dụng số 14.65.002/2014-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 31/03/2014:

- Hạn mức: 4.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 36 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Nâng công suất nhà máy nước Lương Quoi.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất diện tích 2.280,6 m² tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre là Công trình Nhà máy nước Lương Quoi và hệ thống nâng công suất Nhà máy nước Lương Quoi từ 150m³/h lên 250m³/h.
- Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 830.456.500 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 830.456.500 đồng.

f) Hợp đồng tín dụng số 14.65.004/2014-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 12/03/2014:

- Hạn mức: 2.280.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 36 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Đầu tư đường ống cấp nước D60&D168 huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 469.043.491 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 469.043.491 đồng.

g) Hợp đồng tín dụng số 14.65.14/2014-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 27/12/2014:

- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Cải tạo cum xử lý 1.200m³/ngày – Trạm cấp nước Chợ Lách.
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 1.315.300.000 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là: 375.800.000 đồng.
- h) Hợp đồng tín dụng số 15.65.003/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 13/03/2015:
 - Hạn mức: 542.503.400 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm, hạng mục ống nhánh cấp nước uPVC_D60 (năm 2014).
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 406.877.550 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 108.500.680 đồng.
- i) Hợp đồng tín dụng số 15.65.008/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 30/06/2015:
 - Hạn mức: 565.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: mua máy bơm hiệu Grundfos.
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 452.000.000 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 113.000.000 đồng.
- k) Hợp đồng tín dụng số 15.65.12/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 24/07/2015:
 - Hạn mức: 1.145.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre (đợt 2/2014).
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 685.074.500 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 161.194.000 đồng.
- l) Hợp đồng tín dụng số 15.65.13/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 31/07/2015:
 - Hạn mức: 1.485.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách (đợt 2/2014)
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 1.069.825.861 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 261.998.160 đồng.
- (3) Là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số H003/2013 ngày 09/03/2011:
 - Hạn mức: 30.000.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 6 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên.
 - Lãi suất: 19,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh hàng quý theo lãi suất cho vay của quý liền kề trước đó.
 - Mục đích vay: mở rộng hệ thống cấp nước Sơn Đông-Tân Phú-tỉnh Bến Tre.
 - Tài sản đảm bảo: Đường ống dẫn nước thô phi 600mm từ Rạch Bến Rử đến cầu Thành Triệu với chiều dài là 5.132 m. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo định giá của Ngân hàng khoảng 45.455.400.000 đồng.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 1.931.327.386 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 1.931.327.386 đồng.

(4) Là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7928997 ngày 06/10/2015:

- Số tiền vay: 3.025.765.135 đồng.

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày.

- Lãi suất: 9%/năm, định kỳ thông báo điều chỉnh lãi suất định kỳ 02 lần/năm.

- Mục đích vay: thực hiện thi công hạng mục Mạng lưới cấp nước KCM Giao Long giai đoạn 2.

- Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành trong tương lai.

- Số dư tại thời điểm 30/06/2016: 2.860.765.135 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 660.000.000 đồng.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01/12/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.117.406.498	1.084.187.050	2.002.929.360	1.198.664.188
Cộng	2.117.406.498	1.084.187.050	2.002.929.360	1.198.664.188

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/12/2015	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	179.200.000.000	64,00	179.200.000.000	64,00
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	48.662.000.000	17,38	48.662.000.000	17,38
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	42.000.000.000	15,00	42.000.000.000	15,00
- Khác	10.138.000.000	3,62	10.138.000.000	3,62
Cộng	280.000.000.000	100,00	280.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	280.000.000.000	280.000.000.000	-
Cộng	280.000.000.000	280.000.000.000	-

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	01/12/2015 đến 30/06/2016	01/01/2015 đến 30/06/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	280.000.000.000	92.952.574.777
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	9.852.488.995
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	280.000.000.000	102.805.063.772
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16c. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	28.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	
- Cổ phiếu phổ thông	
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP	

16d. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

16e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2016.

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	1.416.280.575
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	1.084.187.050
• Thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	:	-
Cộng		2.500.467.625

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**17a. Tài sản nhận giữ hộ**

- Nguyên giá tài sản cố định nhận giữ hộ cuối kỳ: 9.007.622.457 đồng.

17b. Nợ khó đòi đã xử lý

- Số nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ: 887.616.039 đồng.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>01/12/2015 đến 30/06/2016</u>	<u>01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
- Doanh thu cung cấp nước sạch	64.779.541.046	49.390.859.908
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	3.419.765.233	2.176.735.330
- Doanh thu bán hàng hóa	77.508.116	60.524.325
Cộng	<u>68.276.814.395</u>	<u>51.628.119.563</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>01/12/2015 đến 30/06/2016</u>	<u>01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
- Giá vốn cung cấp nước sạch	20.633.460.501	12.951.223.362
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	2.873.994.334	1.829.052.841
- Giá vốn bán hàng hóa	53.923.135	59.397.917
Cộng	<u>23.561.377.970</u>	<u>14.839.674.120</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí bán hàng

	<u>01/12/2015 đến 30/06/2016</u>	<u>01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
- Chi phí cho nhân viên	4.228.614.678	3.124.969.100
- Chi phí vật liệu, công cụ	3.779.767.738	3.243.699.217
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.114.758.333	7.676.963.901
- Các chi phí khác	198.052.198	21.029.999
Cộng	<u>23.321.192.947</u>	<u>14.066.662.217</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>01/12/2015 đến 30/06/2016</u>	<u>01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
- Chi phí cho nhân viên	3.766.096.670	2.291.201.630
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.516.427.683	372.305.658
- Chi phí khấu hao TSCĐ	393.424.211	188.806.578
- Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	1.300.000
- Các chi phí khác	880.981.836	741.735.644
Cộng	<u>6.563.930.400</u>	<u>3.595.349.510</u>

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu****Lãi cơ bản trên cổ phiếu****01/12/2015 đến
30/06/2016**

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.441.870.493
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm(*)	(1.084.187.050)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.357.683.443
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cp)	28.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	298

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi từ ngày 01/12/2015 đến ngày 30/06/2016 là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2016. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	01/12/2015 đến 30/06/2016	01/01/2015 đến 30/06/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.898.066.931	4.810.521.244
- Chi phí nhân công	15.810.292.357	10.578.484.886
- Chi phí công cụ, dụng cụ	2.178.932.391	429.333.537
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.247.546.603	10.420.759.933
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.745.928.804	4.189.141.666
- Các chi phí bằng tiền khác	1.565.512.844	1.471.396.042
Cộng	52.446.279.930	31.899.637.308

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	01/12/2015 đến 30/06/2016
Lương	800.800.000
Thù lao	155.400.000
Cộng	956.200.000

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh nước sạch;
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước;
- Doanh thu bán hàng hóa.

	Kinh doanh Nước sạch	Kinh doanh xây lắp	Kinh doanh vật tư	Cộng
Từ 01/12/2015 đến 30/06/2016				
Doanh thu thuần về bán hàng	64.779.541.046	3.416.545.966	77.508.116	68.273.595.128
Giá vốn hàng bán	20.633.460.501	2.873.994.334	53.923.135	23.561.377.970
Lãi gộp	44.146.080.545	542.551.632	23.584.981	44.712.217.158
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2016				
Doanh thu thuần về bán hàng	49.390.859.908	2.172.034.164	60.524.325	51.623.418.397
Giá vốn hàng bán	12.951.223.362	1.829.052.841	59.397.917	14.839.674.120
Lãi gộp	36.439.636.546	342.981.323	1.126.408	36.783.744.277

Khu vực địa lý

Phần lớn các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

3. Thông tin so sánh

- “Kỳ trước” là số liệu phát sinh từ ngày 01/01 đến ngày 30/06/2015 (6 tháng), không có tính chất so sánh với số liệu “kỳ này” là số liệu từ ngày 01/12/2015 đến ngày 30/06/2016 (7 tháng) trên Kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ;
- Số liệu kỳ trước là của Công ty TNHH MTV, còn kỳ này là giai đoạn của Công ty Cổ Phần (Giai đoạn sau quá trình Cổ phần hóa).

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có các yếu tố nào dẫn đến làm mất khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

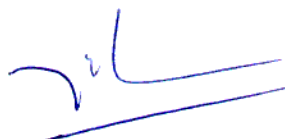
Bến Tre, ngày 08 tháng 08 năm 2016.

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn xây dựng cơ bản	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
1. Số dư tại ngày 01/01/2015	92.952.574.777	3.279.663.728	34.576.494.419	60.751.035.731	-	78.391.932.959	269.951.701.614
2. Tăng trong năm trước	187.047.425.223	-	-	-	18.802.630.276	-	205.850.055.499
3. Giảm trong năm trước	-	3.279.663.728	34.576.494.419	60.751.035.731	18.802.630.276	78.391.932.959	195.801.757.113
4. Số dư tại ngày 01/12/2015	280.000.000.000	-	-	-	-	-	280.000.000.000
5. Tăng trong kỳ này	-	-	-	1.416.280.575	9.441.870.493	-	10.858.151.068
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.416.280.575	-	-	1.416.280.575
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	9.441.870.493	-	9.441.870.493
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	2.500.467.625	-	2.500.467.625
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	1.084.187.050	-	1.084.187.050
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.416.280.575	-	1.416.280.575
7. Số dư tại ngày 30/06/2016	280.000.000.000	-	-	1.416.280.575	6.941.402.868	-	288.357.683.443

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG

Bến Tre, ngày 08 tháng 08 năm 2016.



NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯỢNG